

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện VKSND thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 18/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST- HNGĐ ngày 31/5/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXX-ST ngày 28/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1985(Có mặt)

HKTT: Số nhà 7, thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Xóm Bùng, thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1982(Vắng mặt)

HKTT: Số nhà 7, thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Văn Q vào ngày 13/9/2007. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tại số nhà 7, thôn L, xã T, thành phố B, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ đầu năm 2009, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, anh Q thường xuyên đi chơi không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không nghe, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, anh Q đã đánh đuổi ra khỏi gia đình, do vậy chị phải về gia đình bố mẹ đẻ ở Xóm B, thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang sống từ đầu năm 2009 cho đến nay, trong thời gian này anh Q cũng không đến động viên thăm hỏi gì chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Con chung của vợ chồng là: Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/ 2008, hiện con chung đang do anh Q nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị đồng ý để cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phần cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2017 và những lời khai tiếp theo bị đơn là anh Dương Văn Q trình bày:

Ngày 13/9/2007 anh kết hôn với chị Lương Thị N và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B. Trước khi kết hôn anh và chị N được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh ở thôn L, xã T, thành phố B thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã nhau, anh khuyên bảo chị N nhiều lần nhưng không đem lại kết quả, chị N đã tự ý về gia đình bố mẹ đẻ chị sinh sống để lại con chung cho anh nuôi dưỡng, trong thời gian này anh cũng không đến động viên thăm hỏi gì chị N. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn thương yêu nhau, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung của vợ chồng là Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/ 2008, anh là người nuôi dưỡng con chung từ năm 2009 cho đến nay, sau khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phần cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng giữa anh và chị N không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt, nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Lương Thị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q, con chung là Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/ 2008, đề nghị giao cho anh Q nuôi dưỡng, phân cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Dương Văn Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị N và anh Dương Văn Q.
- Con chung là Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/2008 giao cho anh Dương Văn Q nuôi dưỡng, phân cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí chị Lương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Dương Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều từ chối đến Tòa án làm việc và anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Dương Văn Q kết hôn với nhau ngày 13/9/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị N và anh Q, do không hợp tính cách của nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân

từ năm 2009. Giữa chị N và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị N đề nghị được ly hôn anh Q. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung là: Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/2008 anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ năm 2009 cho đến nay, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như việc học tập của con chung vẫn được đảm bảo, sau khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi lời khai của con chung là cháu Dương Quốc Q thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố Q và không có yêu cầu gì khác, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và nguyện vọng của con chung, giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp. Phần cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung chị N và anh Q đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị N và anh Dương Văn Q

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Dương Quốc Q, sinh ngày 02/10/2008 cho anh Dương Văn Q nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0001287 ngày 31/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt bản án của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHADS TP Bắc Giang;
- UBND xã Tân Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Tú